



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
Ngày 17 tháng 5 năm 2024

Thời gian	Stt	Nội dung
Từ 8g00 đến 8g30	1	Đón tiếp đại biểu, đăng ký danh sách dự họp và phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông
Khai mạc Đại hội đồng cổ đông		
Từ 8g30 đến 8g50	2	Chào cờ. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự
	3	Báo cáo kiểm tra điều kiện cổ đông tham dự Đại hội
	4	Trình Đại hội thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu
	5	Thông qua Chương trình, Nội quy, Quy chế làm việc của Đại hội
Nội dung Đại hội đồng cổ đông		
Từ 8g50 đến 10g00	6	* Diễn văn khai mạc Đại hội. * Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2023; Nhiệm vụ năm 2024
	7	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023
	8	Thông qua các Tờ trình xin ý kiến biểu quyết: 1. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán 2. Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2023 và Kế hoạch năm 2024. 3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 4. Phân phối lợi nhuận - trích lập các quỹ năm 2023 5. Tiền lương chuyên trách và thù lao năm 2024 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 6. Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024
Từ 10g00 đến 10g20	9	Đại hội thảo luận và trả lời ý kiến cổ đông của Chủ tịch đoàn
Từ 10g20 đến 10g30	10	Biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp
Từ 10g30 đến 10g50	11	Giải lao (<i>Ban kiểm phiếu làm việc</i>)
Từ 10g50 đến 11g30	12	Phát biểu của Tổng công ty CNTP Đồng Nai (nếu có)
	13	Ban kiểm phiếu Báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội
	14	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
	15	Phát biểu cảm ơn của Ban Lãnh đạo Cty, tuyên bố bế mạc ĐH Chào cờ.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông Công ty

Trước tiên, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty xin cảm ơn và nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt tham dự Đại hội của quý vị đại biểu và quý cổ đông của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

Với nhiệm vụ và quyền được quy định trong Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng trong năm 2023 và định hướng chiến lược, kế hoạch mục tiêu Hội đồng quản trị giao Ban điều hành thực hiện năm 2024 và thời gian tiếp theo như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Về thuận lợi:

- Công ty Docam là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành phân bón, nông sản; có uy tín, thương hiệu và tình hình tài chính lành mạnh.
- Được sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (cổ đông nhà nước, cổ đông lớn) đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Docam.
- Công ty được Ngân hàng Vietinbank Đồng Nai cũng như các ngân hàng khác tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Được sự đồng hành, chia sẻ của đối tác/ khách hàng, quý cổ đông cùng những giải pháp đúng đắn, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, cùng sự đoàn kết nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn thể cán bộ nhân viên công ty để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Về khó khăn, tồn tại:

- Trong năm 2023, những bất ổn chính trị trên thế giới, xung đột Nga – Ukraine, giao tranh khu vực Trung Đông gây ra nhiều khó khăn cho phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid 19. Kinh tế toàn cầu và nội địa đối mặt với nhiều thách thức, đầu tư và tiêu dùng giảm sút, lãi suất liên tục tăng cao.
- Kết thúc năm 2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 5,05% so với năm trước. Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế mở lớn, đã tham gia vào phần lớn các hiệp định thương mại tự do và ưu đãi thuế quan toàn cầu. Do đó, bất kỳ biến động nào trên thị trường quốc tế đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường Việt Nam. Trong 06 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu nguyên vật liệu kể cả phân bón, nguồn cung tăng, làm giá nguyên liệu đầu vào giảm, khiến giá phân bón

giảm. Sau đó, có lúc giá phân bón đã có xu hướng phục hồi lại một phần do Ai Cập cắt giảm 30% nguồn cung khí sản xuất Urê, nhu cầu nhập khẩu lớn từ Ấn Độ và Trung Quốc tạm ngừng, v.v... Tuy thị trường phân bón biến động thất thường nhưng xu hướng chung của cả năm 2023 là nguồn cung dồi dào và giá giảm sâu so với năm 2022 (Cụ thể trong năm 2023: giá Urea giảm khoảng 21,5%, kali giảm 43,6% , NPK Korea giảm 27,8%,...).

- Bức tranh ngành thương mại phân bón năm 2023 với nhiều khó khăn, giá phân bón biến động thất thường tùy từng thời điểm và từng loại phân bón khác nhau. Tuy vậy, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp kinh doanh phân bón rất quyết liệt nhằm tồn tại trong điều kiện khắc nghiệt của cơ chế thị trường. Ngoài ra, các loại phân bón giả, kém chất lượng xuất hiện tràn lan trên thị trường khiến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá và chất lượng trên thị trường ngày càng gay gắt.

- Trong lĩnh vực trồng trọt, vấn đề biến đổi khí hậu gây nhiều tác động tiêu cực như thời tiết cực đoan, hạn hán, lũ, làm giảm diện tích đất canh tác, tình trạng sâu bệnh, mất mùa dẫn đến giảm quy mô trồng trọt. Nông dân cắt giảm đầu tư vật tư nông nghiệp do giá cả nên nhu cầu sử dụng phân bón giảm, hoạt động kinh doanh phân bón gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, năm 2023 tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sụt giảm mạnh, cộng thêm tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi có chiều hướng gia tăng làm giảm lượng chăn nuôi thủy sản/gia súc đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh nông sản của Công ty. Rủi ro lớn nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam là “được mùa mất giá”, lợi nhuận mang lại cho doanh nghiệp và nông dân rất thấp so với các ngành kinh tế khác.

- Vấn đề tỷ giá hối đoái cũng tác động rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Doanh nghiệp. Trong bối cảnh tỷ giá biến động khá mạnh và neo ở mức cao là vấn đề lớn của các Doanh nghiệp nhập khẩu nói chung và Công ty nói riêng. Năm 2023 tỷ giá VNĐ/USD tăng nhiều so với năm 2022. Do đó, hoạt động của công ty đang chịu ảnh hưởng từ biến động trong thị trường tài chính trong nước và quốc tế, đặc biệt là biến động tỷ giá VNĐ/USD. Khi tỷ giá tăng khiến giá vốn sẽ bị đẩy lên cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Đề đối mặt với các khó khăn thách thức nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát diễn biến thị trường và dự báo thị trường để kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế. Công ty đặt sự tập trung lớn vào dự ước nhu cầu thực tế sản lượng hàng hóa tiêu thụ của thị trường, không tồn trữ lượng lớn phân bón để tránh cơn bão sụp giá gây thua lỗ lớn.

- Ngoài ra, trụ sở chính và nhà kho của Công ty tọa lạc tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Theo Đề án phê duyệt của UBND tỉnh Đồng Nai thì khu công nghiệp này sẽ được di dời chậm nhất tháng 12/2024 (giai đoạn 1) và tháng 12/2025 (giai đoạn 2). Tuy nhiên đến nay chính sách bồi thường giải tỏa, hỗ trợ di dời, chính sách đối với người lao động khi phải di dời,... vẫn chưa được thông qua và công bố chính thức, điều này làm cho doanh nghiệp không an tâm sản xuất kinh doanh và gặp rất

nhiều khó khăn trong kế hoạch di dời.

II. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 so với 2022 và so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023/2022 (%)	TH/KH 2023 (%)
1. Tổng sản lượng	Tấn	25.037	21.359	22.600	85,31%	94,51%
2. Doanh thu thuần	Trđ	369.870	236.329	190.700	63,89%	123,92%
3. Phải nộp ngân sách	Trđ	6.107	2.173	1.300	35,58%	167,15%
4. Lợi nhuận trước thuế	Trđ	22.344	5.920	5.000	26,49%	118,40%
5. Lợi nhuận sau thuế	Trđ	17.821	4.717	4.000	26,46%	117,92%

Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty cũng như tất cả các công ty kinh doanh phân bón, nông sản. Trong bối cảnh đó, Công ty đã nỗ lực hết sức, thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt, tận dụng mọi cơ hội để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Sau 02 năm (2021-2022) đạt đỉnh, dự báo giai đoạn 2023 - 2024 là giai đoạn sàng lọc của thị trường phân bón. Thị trường phân bón đã quay trở lại trạng thái: giá thấp, sản lượng tiêu thụ giảm, cung lớn hơn cầu, hiệu quả kinh doanh rất thấp, dễ dẫn đến thua lỗ nếu không tiêu thụ kịp thời đối với các lô hàng nhập về lưu kho. Điều này dẫn đến việc kinh doanh phân bón năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn, thách thức.

Về mặt hàng nông sản (khoai mì lát): việc kinh doanh cũng rất khó, rủi ro cao do lệ thuộc vào các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và vào giá nông sản thay thế (lúa mì, bắp) trên thế giới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái và giá lúa mì rẻ từ Nga và Ukraine tràn ngập thị trường cùng với việc Việt Nam chỉ đạt 92% kế hoạch xuất khẩu thủy sản đề ra dẫn đến việc các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản không mua khoai mì lát từ giữa năm 2023.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2023 giảm so với cùng kỳ do bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Tổng sản lượng tiêu thụ đạt mức 21.359 tấn giảm 14,69% so với năm 2022. Mặc dù sản lượng chỉ đạt 94,51% so với kế hoạch nhưng đây cũng là kết quả khá tích cực và đây nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức tiêu thụ toàn xã hội đều giảm trong năm qua. Giá phân bón giảm từ đỉnh cùng với việc giảm sản lượng tiêu thụ đã làm cho doanh thu thuần của Công ty trong năm qua chỉ đạt 236.329 triệu đồng, giảm 36,10% so với cùng kỳ năm trước; tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch doanh thu 23,93% do việc sụt giảm này vẫn nằm trong dự báo của Công ty ngay từ đầu năm. Năm 2021, 2022 giá phân bón đạt đỉnh do thiếu nguồn cung trên thế giới nhưng từ cuối năm 2022 và bước sang năm 2023 giá phân bón bắt đầu sụp giá mạnh, trở lại giá trị thực của nó nên lợi nhuận gộp đi từ phân bón rất thấp. Trong năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 5.920 triệu đồng tương đương 118,4% so với kế hoạch và bằng 26,49% so với năm 2022.

Tóm lại, Công ty đã hoàn thành vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

2. Cơ cấu sản phẩm:

Sản phẩm kinh doanh	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023/2022 (%)	TH/KH 2023 (%)
- Phân bón kinh doanh	Tấn	19.819	15.617	18.080	78,79%	86,38%
- Nông sản (khoai mì)	Tấn	5.212	5.733	4.500	109,99%	127,4%
- Thức ăn chăn nuôi, lúa giống	Tấn	6	9	20	150,00%	45,00%
Cộng sản lượng:	Tấn	25.037	21.359	22.600	85,31%	94,51%

Trong năm vừa qua, do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn nên sản lượng hàng bán ra công ty đã giảm từ 25.037 tấn năm 2022 xuống còn 21.359 tấn năm 2023, tương ứng với mức giảm 14,7%; tổng sản lượng tiêu thụ hàng hóa của Công ty thực hiện giảm khoảng 5,4% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, phân bón vẫn là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty khi chiếm đến 73,11% tổng sản lượng. Trong bối cảnh người dân thắt chặt chi tiêu, kéo theo nông dân giảm sức tiêu thụ phân bón trồng trọt đã làm sản lượng phân bón Công ty bán ra năm 2023 chỉ bằng 78,79% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại với phân bón, thì mặt hàng còn lại là nông sản ghi nhận mức tăng trưởng 9,99% đạt 5.733 tấn khoai mì.

3. Cơ cấu doanh thu

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện được 236,329 tỷ đồng, bằng 63,9% so với cùng kỳ năm 2022. Chi tiết doanh thu năm 2023 như sau:

Mặt hàng	Năm 2022 (Triệu đồng)	Năm 2023 (Triệu đồng)	Năm 2023/2022 (%)
Doanh thu phân bón kinh doanh	333.094	195.958	58,83%
Doanh thu nông sản (khoai mì)	33.892	37.222	109,82%
Doanh thu Hạt giống	59	115	194,91%
Doanh thu dịch vụ, khác	2.825	3.034	107,39%
Tổng Doanh thu	369.870	236.329	63,90%

Năm 2023, tổng doanh thu đạt 236.329 triệu đồng tương ứng với mức giảm 36,10% so với cùng kỳ năm trước và đạt 123,9% so với kế hoạch.

Trong đó, doanh thu phân bón đạt 195.958 triệu đồng giảm 41,1% so với năm 2022. Nguyên nhân doanh thu phân bón năm 2023 giảm nhiều là bởi trong những tháng đầu năm 2022 do sự đứt gãy chuỗi cung ứng bởi đại dịch Covid-19, cộng thêm chiến tranh giữa Nga – Ukraine đã làm giá phân bón đạt đỉnh lịch sử; tuy nhiên từ cuối năm 2022 và sang năm 2023 giá phân bón giảm mạnh cùng với sức mua thị trường giảm nhiều đã tác động trực tiếp đến doanh thu bán phân bón của Công ty.

Tiếp đến nông sản (khoai mì) là mặt hàng kinh doanh quan trọng thứ hai của Công ty chiếm tỷ trọng 15,75% tổng doanh thu. Doanh thu nông sản đạt 37.222 triệu đồng với mức tăng trưởng 9,16% so với năm 2022. Trong năm 2023, mặc dù tình hình tiêu thụ nông sản (khoai mì) của các nhà máy chế biến thủy sản giảm mạnh do Việt Nam không xuất khẩu được thủy hải sản, bù lại nhu cầu nhập khẩu nông sản, đặc biệt là khoai mì của Trung Quốc đã tăng cao và duy trì ở mức ổn định đến quý 3/2023 góp phần giúp Công ty tăng trưởng được sản lượng và doanh thu mặt hàng nông sản.

Ngoài ra, doanh thu đến từ kinh doanh hạt giống và cung cấp dịch vụ khác tuy chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ lần lượt là 0,05% và 1,28% trong năm 2023 nhưng đều ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu năm qua có xu hướng giảm tỷ trọng doanh thu phân bón kinh doanh và tăng tỷ trọng các mảng kinh doanh còn lại. Tuy vậy, doanh thu phân bón vẫn chiếm tỷ trọng lớn (82,92%) trong tổng doanh thu năm 2023.

4. Cơ cấu lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Tỷ trọng 2023 (%)	So sánh 2023/2022 (%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	22.441.368.830	5.918.580.461	99,97%	26,37%
2	Lợi nhuận khác	Đồng	(97.501.383)	2.036.372	0,03%	/
	Tổng cộng:		22.343.867.447	5.920.616.833	100%	26,50%

Năm 2023 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 118,40% kế hoạch và bằng 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, gần như toàn bộ (99,97%) là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh phát sinh từ hai mặt hàng phân bón và nông sản (mì lát), trong đó, mặt hàng phân bón đóng góp phần lợi nhuận chủ yếu trong năm 2023.

Đánh giá chung:

Năm 2023 kinh tế thế giới suy thoái, xung đột địa chính trị lan rộng, kinh tế trong nước trì trệ. Sau 02 năm giá phân bón đạt đỉnh, thị trường phân bón năm 2023 đã quay trở lại trạng thái: giá thấp, cung lớn hơn cầu, sản lượng tiêu thụ sụt giảm, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp quyết liệt, hiệu quả kinh doanh thấp. Việc tiêu thụ nông sản (khoai mì) của Công ty cũng gặp yếu tố bất lợi ngay từ quý 2 khi các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản không mua hàng như mọi năm, làm ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh khoai mì không như dự kiến ban đầu của Công ty. Tuy nhiên do bám sát thị trường, vận dụng một cách linh hoạt, tận dụng mọi cơ hội kinh doanh và bằng mọi nỗ lực cao nhất, Công ty đã vượt qua được một năm đầy khó khăn, thách thức, qua đó duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh truyền thống của doanh nghiệp, tham gia vào thị trường một cách chủ động bằng chính nội lực và đi từ ngành nghề kinh doanh chính của mình.

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đạt doanh thu thuần 236,32 tỷ đồng tương đương 123,92% kế hoạch và bằng 63,89% so với

cùng kỳ năm 2022; sản lượng tiêu thụ đạt 21.359 tấn bằng 94,51% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 5,92 tỷ đồng bằng 118,40% kế hoạch. Khả năng tài chính của công ty tốt, đã bảo toàn phát triển vốn của chủ sở hữu. Trong quá trình hoạt động, công ty tuân thủ tốt nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách theo quy định. Công ty đã duy trì được việc làm thường xuyên cho công nhân viên, đời sống vật chất, tinh thần người lao động được nâng cao, thu nhập bình quân người lao động đạt 13,5 triệu đồng/tháng; công ty đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm cho người lao động. Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh-tài chính được cấp thẩm quyền giao. Qua đó cũng là cơ sở quan trọng để Hội đồng quản trị đề xuất dự kiến mức chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

III. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

1. Những nét cơ bản của kết quả hoạt động

- Với vai trò là cơ quan quản lý công ty, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2023, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và có trách nhiệm; giúp Công ty có bước chuyển trạng thái kinh doanh theo diễn biến và trạng thái của thị trường.

- Năm 2023 với nhiều khó khăn thách thức như đã nêu trên và các yếu tố đặc thù của thị trường phân bón, nông sản cũng như những tác động tiêu cực của cuộc chiến Nga và Ukraina đã ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế toàn cầu, dẫn đến suy thoái, lạm phát cao, v.v... Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, nhận định thị trường sát với thực tế của Hội đồng quản trị nên Ban Điều hành cùng bộ máy nhân sự công ty vẫn bảo đảm hoạt động ổn định, duy trì được hoạt động kinh doanh, không tồn trữ lượng lớn phân bón tránh được cơn bão sập giá, hạn chế được rủi ro thua lỗ nếu nhập hàng về lưu kho.

- Về sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp và chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, bám sát thị trường. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận giảm nhiều so với năm 2022, nhưng Ban Điều hành đã thể hiện sự nỗ lực đáng kể và hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2023 với kết quả đầy khích lệ và đáng được ghi nhận.

2. Nội dung các kỳ họp trong năm

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các phiên họp để thống nhất chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Báo cáo đánh giá kết quả SXKD; Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán; dự kiến về phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

- Thảo luận về hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2023; dự báo tình hình kinh doanh quý II; Các giải pháp thực hiện và nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Sau khi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, các thành viên HĐQT đã họp bàn để triển khai nghị quyết của Đại hội trong quý II và quý III về một số nội dung cơ bản sau đây:

+ Thảo luận tình hình, kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch quý III/2023 và một số công việc khác thuộc thẩm quyền;

+ Về vay vốn tín dụng ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh công ty kỳ hạn vay trong 12 tháng.

- Vào tháng 9/2023 HĐQT đã thống nhất chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền mặt theo mức 10% mệnh giá cổ phiếu và Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông từ tháng 10/2023 theo quy định hiện hành.

- Cuộc họp quý IV về những nội dung chủ yếu sau:

+ Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ những tháng còn lại của năm 2023.

+ Thảo luận và xây dựng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024.

+ Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Các cuộc họp đều có mặt đầy đủ 100% thành viên HĐQT, có đại diện Ban Kiểm soát, Ban Điều hành tham dự theo đúng qui định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

3. Lương, thù lao và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Stt	Năm 2023	Lương công việc (đồng)	Thù lao (đồng)
I	Hội đồng quản trị:		
1	Phan Thị Anh Thy – TV Chủ tịch HĐQT chuyên trách	529.178.122	/
2	Cao Hùng Lai - TV- PCT, kiêm Phụ trách công tác quản trị	/	60.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Quy - TV	/	36.000.000
II	Ban Kiểm soát:		
1	Đoàn Tuấn Anh – Trưởng BKS chuyên trách	241.771.763	/
2	Trương Nguyễn Ngọc Hòa - TV	/	30.000.000
3	Nguyễn Thị Diệu Linh – TV	/	30.000.000
III	Ban điều hành:		
1	Cao Hùng Lai – PGĐ	380.815.190	/
2	Ngô Huỳnh Minh - KTT	324.995.972	/

B. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông; Xây dựng và phát triển thương hiệu DOCAM trở thành một thương hiệu mạnh về thương mại dịch vụ, vật tư nông nghiệp.

- Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/ khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.

- Sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động.

II. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi làm nền tảng duy trì và phát triển. Tùy theo điều kiện thị trường, mở rộng việc kinh doanh nông sản và phân bón hữu cơ nhằm bù đắp sản lượng phân bón hóa học tiêu thụ ngày càng ít đi do nhu cầu thực phẩm sạch/ hữu cơ tăng lên.

- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty.

- Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của Công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thời hạn chậm nhất là 31/12/2025. Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, Công ty sẽ lập hồ sơ báo cáo đề án xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho theo quy định hiện hành. Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới quá tốn kém, không hiệu quả, có thể lựa chọn phương án không đầu tư cơ sở mới khi phải di dời, mà tiến hành thuê/xây dựng văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.

III. Định hướng và kế hoạch năm 2024

1. Dự báo và định hướng:

Dự báo năm 2024 tiếp tục sẽ là năm cực kỳ khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh phân bón, nông sản nói riêng nên chủ trương của Công ty vẫn là thận trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ưu tiên chỉ tiêu lợi nhuận để bảo toàn vốn, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo đảm an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty. Đặt mục tiêu an toàn, hiệu quả, không chạy theo doanh thu, sản lượng để dẫn đến rủi ro cao trong năm 2024;

Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế. Tiếp tục mua bán nông sản (khoai mì) song có điều chỉnh phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cố gắng phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã đề ra.

Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty và những dự báo về thị trường nêu trên, HĐQT định hướng xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 một cách thận trọng, nhằm mục tiêu bảo toàn vốn cho các cổ đông là trên hết.

Trên tinh thần phấn đấu tích cực, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như dưới đây

2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
a) Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh		
- Tổng doanh thu:	Triệu đồng	180.350
- Sản lượng tiêu thụ:	Tấn	20.000
+ Phân bón kinh doanh:	Tấn	16.995
+ Nông sản:	Tấn	3.005
b) Chỉ tiêu tài chính:		
- Lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	4.700
- Lợi nhuận sau thuế:	Triệu đồng	3.760
- Lợi nhuận sau thuế / VNN	%	3,74
- Các khoản phát sinh phải nộp ngân sách:	Triệu đồng	1.469

2.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Phân bón và nông sản vẫn là 02 mặt hàng cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, bên cạnh đó vẫn tiếp tục duy trì hoạt động dịch vụ cho thuê kho (nhàn rỗi) tránh lãng phí tài sản. Tuy nhiên, kinh doanh phân bón và nông sản (khoai mì lát) vẫn sẽ tiếp tục gặp rất nhiều thách thức và khả năng sụt giảm sản lượng tiêu thụ có thể sẽ tiếp diễn trong năm 2024.

- Phân bón: Ngoài việc duy trì, thực hiện các giải pháp kinh doanh phân bón như năm trước, trong năm 2024, Công ty chủ trương tiếp tục hợp tác với Công ty chuyên ngành hóa chất/ phân bón để mua bán phân bón, mở rộng đối tượng, thị trường tiêu thụ, chú trọng vào các loại phân bón mà Docam có ưu thế. Đối với phân bón thông thường khác, Công ty áp dụng chính sách mua nhập kho từng đợt và hạn chế tồn trữ. Đối với phân NPK cao cấp/đặc chủng, Công ty có thể xem xét nhập khẩu để cung ứng cho thị trường chuyên biệt. Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu phân bón khi có cơ hội.

- Duy trì và phát triển việc kinh doanh thương mại phân bón, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có thị trường, khách hàng tiêu thụ. Tiếp tục mua bán nông sản (khoai mì) song có điều chỉnh phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế. Hình thức kinh doanh mì lát năm 2024 chủ yếu là mua ngay bán ngay và bán kỳ hạn khi có cơ hội. Cho đến thời điểm báo cáo, Công ty không thực hiện được hình thức mua tạm trữ để bán kỳ hạn cho các Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản do các Nhà máy không ký hợp đồng kỳ hạn, nên Công ty phải tiếp tục

theo sát diễn biến thị trường để có biện pháp kịp thời cho kinh doanh nông sản trong tình hình mới. Tìm kiếm cơ hội kinh doanh các mặt hàng nông sản khác (cao su, cà phê,...) khi có cơ hội.

- Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động dịch vụ cho thuê kho thời vụ ngắn hạn để bổ sung nguồn thu, tránh lãng phí cơ sở vật chất.

- Thực hiện chủ trương thoái vốn Nhà nước tại Công ty sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cùng cố lại bộ máy, đội ngũ nhân sự và hệ thống phân phối phù hợp với tình hình thực tế thị trường theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả. Tập trung quản trị vốn được giao nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty và cổ đông.

3. Hoạt động đầu tư:

Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan thẩm quyền. Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, công ty sẽ lập hồ sơ Báo cáo/ đề án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho...theo quy định hiện hành. Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới quá tốn kém, không hiệu quả sử dụng vốn, công ty cân nhắc có thể lựa chọn phương án không đầu tư cơ sở mới khi phải di dời, mà tiến hành thuê/xây dựng văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.

Công ty chưa có kế hoạch đầu tư cụ thể triển khai trong năm 2024.

Kính thưa Đại hội,

Với quyết tâm cao của HĐQT, của Ban Điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động công ty, cùng với các ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị cổ đông ngay tại Đại hội này (cũng như tại bất cứ thời điểm nào khác), chúng tôi tin tưởng rằng sẽ mang lại những tác động hữu ích, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng được ngày càng tốt hơn.

HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Docam nỗ lực hết sức để vượt qua thách thức, khó khăn của năm 2024, tạo đà tăng trưởng cho thời gian tiếp theo; Qua đó gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Kính chúc Quý vị đại biểu, toàn thể Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu HC, HĐQT./.

Phan Thị Anh Thy



Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
Năm 2023

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai.

Căn cứ Báo cáo tài chính 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 308/2024/KT-RSMHCM ngày 26/03/2024.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2023 như sau:

PHẦN A: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH – QUẢN LÝ VỐN, TÀI SẢN

I. Kết quả kinh doanh

1. So sánh kế hoạch

NỘI DUNG	ĐVT	TH 2023	KH 2023	% TH/KH 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	236.329	190.700	123,93%
2. Tổng Sản lượng	tấn	21.359	22.600	94,51%
Trong đó:				
- Phân bón các loại	tấn	15.616	18.080	86,37%
- Nông sản, thức ăn gia súc và loại khác	tấn	5.743	4.520	127,06%
3. Lợi nhuận trước thuế	trđ	5.921	5.000	118,42%
4. Lợi nhuận sau thuế	trđ	4.717	4.000	117,93%
5. Phải nộp ngân sách nhà nước	trđ	2.174	1.300	167,23%

2. So sánh cùng kỳ

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	2023 so với 2022 tăng (+), giảm (-)		2022 so với 2021 tăng (+), giảm (-)	
					Giá trị	%	Giá trị	%
1. Doanh thu BH và DV	trđ	236.329	369.870	336.508	-133.541	- 36,10%	33.362	+ 9,91%
2. Doanh thu tài chính	trđ	7.520	4.650	3.854	2.870	+ 61,72%	796	+ 20,65%
3. Thu nhập khác	trđ	2	82	35	-80	- 97,56%	47	+134,29%
4. Lợi nhuận trước thuế	trđ	5.921	22.344	18.513	-16.423	- 73,50%	3.831	+ 20,69%
5. Lợi nhuận sau thuế	trđ	4.717	17.821	14.797	-13.104	- 73,53%	3.024	+ 20,43%

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2023 đạt 123,93% so với kế hoạch và giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 5.921 triệu đồng đạt 118,42% so với kế hoạch và giảm 73,5% so với cùng kỳ năm 2022. Cơ cấu lợi nhuận như sau:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: 5.919 triệu đồng,
- Lợi nhuận khác là: 2 triệu đồng.

II. Tình hình tài chính

1. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)	%	2,00	4,82
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,76	13,93
3	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	4,38	16,35
4	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,50	6,07

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 4,72 tỷ đồng, giảm 73.53% so với năm 2022. Điều này làm các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2023 có giảm hơn năm trước. Chỉ số ROA và ROE lần lượt là 3,76% và 4,38% giảm hơn so với năm 2022.

2. Khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	8,02	8,29
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,72	7,81
3	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	%	12,34	11,90
4	Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	14,08	13,51

Chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã giảm nhẹ từ 8,29 lần xuống còn 8,02 lần trong năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn của Công ty đã giảm 5,92% xuống mức 120,2 tỷ đồng. Mặc dù nợ ngắn hạn của Công ty cũng ghi nhận mức sụt giảm 2,75% xuống còn 14,987 tỷ đồng nhưng Công ty đã cải thiện được việc thu tiền khách hàng và quản lý tốt hàng tồn kho trước bối cảnh nhu cầu tiêu thụ suy yếu trong năm 2023. Bên cạnh đó, khả năng thanh toán nhanh cũng ghi nhận mức giảm nhẹ từ 7,81 lần xuống mức 7,72 lần, nguyên nhân do hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản ngắn hạn giảm khá mạnh với mức 39,45% xuống còn 4,46 tỷ đồng.

Khả năng thanh toán của DOCAM nhìn chung đã giảm nhẹ trong năm vừa qua nhưng không đáng kể và các hệ số thanh toán vẫn được duy trì ở mức cao nên Công ty có khả năng tự chủ rất tốt và vẫn hạn chế được rủi ro thanh khoản trước tình hình kinh tế khó khăn trong năm vừa qua.

Tỷ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đã tăng không đáng kể từ 11,90% lên 12,34% chủ yếu là nợ mua bán hàng ngày. Công ty không có nợ vay ngắn và dài hạn. Bên cạnh đó, nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu cũng được ghi nhận giảm nhẹ

6,68%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng 0.57% từ mức 13,51% lên 14,08% trong năm 2023. Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn thấp cho thấy khả năng độc lập về mặt tài chính của Công ty, khả năng tài chính của công ty rất tốt do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là rất thấp.

III. Quản lý tài sản

1. Tình hình quản lý tài sản

a. Quản lý tiền và hàng tồn kho

- Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm là 16.215 trđ, bao gồm 91 trđ tiền mặt ; 4.624 trđ tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng ; 11.500 trđ tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,3% đến 3,25%/năm

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm cuối năm là các khoản tiền gửi kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng HD Bank, VP Bank, Vietinbank Bank với lãi suất từ 3,86% đến 8,31%/năm.

- Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 4.465 trđ. Các mặt hàng phân bón tồn kho cuối năm là hàng đang luân chuyển và còn hạn sử dụng.

b. Quản lý tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm là: 27.186 trđ, trong đó nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.280 trđ. Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm là: 441 trđ, giá trị còn lại đến cuối năm là: 539 trđ.

Nhìn chung, Công ty quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, có mở thẻ cho tất cả các tài sản hiện có; Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

2. Tình hình quản lý công nợ

- Tình hình quản lý công nợ phải thu

Chỉ tiêu	2023	2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	399.036.189	3.494.319.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.347.833.578	6.447.956.666
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	40.246.286	34.192.206
3. Phải thu ngắn hạn khác	236.786.648	296.274.397
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.225.830.323)	(3.284.103.869)

- Tổng nợ phải thu tại thời điểm cuối năm của Công ty là 399 trđ, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng 4.348 trđ, trả trước cho người bán 40 trđ, phải thu ngắn hạn khác 237 trđ. Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 98%.

- Tình hình quản lý công nợ phải trả :

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 14.987 trđ, chủ yếu là nợ phải trả trong kinh doanh với khoản phải trả người bán 2.946 trđ, người mua trả tiền trước 1.371 trđ, phải trả người lao động là 2.287 trđ, chi phí phải trả ngắn hạn là 3.545 trđ, phải trả ngắn hạn khác

1.753 trđ (chủ yếu là tiền cổ tức phải trả cho cổ đông), ... Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 97%.

- Công ty quản lý tình hình công nợ khá tốt, hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn. Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng tuân thủ quy định tại Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ của Công ty.

IV. Thực hiện nghĩa vụ, chế độ quy định

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (đvt: trđ)

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	28,82	300,35	293,69	35,48
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	386,76	1.156,32	901,43	641,66
- Thuế thu nhập cá nhân	66,03	492,70	521,34	37,40
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	215,15	204,36	10,80
- Lệ phí môn bài	-	9	9	-
Cộng	481,62	2.173,52	1.929,81	725,33

- Tổng số phải nộp NSNN trong năm là 2.173,52 trđ đạt 167,23% so với kế hoạch.

- Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đã thực hiện kê khai và nộp tất cả các khoản thuế đúng theo quy định hiện hành.

2. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Trong năm, Công ty thực hiện trích lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tổng quỹ lương thực trích trong năm là 5.552,688 trđ, trong đó:

- Quỹ lương của người lao động là: 3.731,328 trđ, mức lương bình quân đạt 9,717 trđ/tháng/người;

- Quỹ lương của người quản lý là: 1.791,360 trđ, mức lương bình quân đạt 37,320 trđ/tháng/người.

Công ty đã thực hiện việc trích, chi trả lương theo quy định và thực hiện đầy đủ các khoản đóng bảo hiểm cho người lao động.

PHẦN B: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO

I. Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ tốt các quy định của pháp luật trong tất cả các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động tích cực, nắm bắt tình hình sâu sát, đề ra các định hướng và các giải pháp kịp thời, phù hợp nhằm khắc phục khó khăn giúp Công ty ổn định và phát triển.

2. Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp 07 phiên họp và ban hành các văn bản với các nội dung chính như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và dự kiến phân phối lợi nhuận 2022 trình ĐHĐCĐ, các giải pháp thực hiện Kế hoạch năm 2023. Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023.

- Thảo luận và đưa ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nghị quyết về việc chấp thuận bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

- Nghị quyết về việc Phân bổ tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi NLĐ năm 2022.

- Nghị quyết về việc vay vốn tín dụng tại Vietinbank - Chi nhánh Đồng Nai.

- Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2022 (tỷ lệ 10,0% mệnh giá CP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

- Nghị quyết HĐQT v/v thông qua giao dịch giữa Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai và Công ty cổ phần Cao su công nghiệp (là các công ty con trong Tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai).

- Các nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động Công ty như: Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023; Xây dựng chỉ tiêu nhiệm vụ KH SXKD năm 2024....

II. Ban Lãnh Đạo

Trong năm, Hội đồng Quản trị giao cho Ban Lãnh Đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Lãnh Đạo đã có những định hướng, kế hoạch phát triển đúng đắn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Lãnh Đạo đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, luôn đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Ban Lãnh Đạo đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

III. Đánh giá chung

Năm 2023, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo cùng với toàn thể người lao động đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp trong SXKD nhằm khắc phục khó khăn và mang lại lợi nhuận cho Công ty, vốn Công ty được bảo toàn. Tình hình tài chính Công ty hiện tại là an toàn, ổn định.

PHẦN C: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định BCTC và lập dự thảo báo cáo BKS trình Đại hội cổ đông thường niên, đồng thời BKS cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội

dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong năm. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình SXKD, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và việc tuân thủ các quy định pháp luật.

Trong hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện tốt hơn.

Các khoản thu nhập từ lương, thưởng và thù lao trong năm 2023 của Ban kiểm soát phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023 và theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong năm, số tiền thực nhận chi tiết như sau:

Họ tên	Chức vụ	Lương (VND)	Thù lao (VND)
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS chuyên trách	241.771.763	-
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Kiểm soát viên	-	30.000.000
Nguyễn Thị Diệu Linh	Kiểm soát viên	-	30.000.000
Cộng		241.771.763	60.000.000

PHẦN D: KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh Đạo Công ty:

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công ty có ưu thế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường và tăng cường công tác tiếp thị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt việc quản lý công nợ, tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi. Rà soát các tài liệu, chứng từ liên quan đến những công nợ phải thu khó đòi đã xử lý trích lập dự phòng để tiến hành xử lý nợ theo quy định.

- Tiếp tục chú trọng và làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

PHẦN E: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương và các chế độ đối với người lao động.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

- Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trên đây là toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: BKS Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Đoàn Tuấn Anh



Số: /TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, bao gồm:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.docam.vn) và đính kèm trong tài liệu Đại hội.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm tài chính 2023
1	Tổng tài sản	Đồng	121.417.565.365
2	Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	Đồng	236.329.402.238
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.920.616.833
4	Thuế TNDN	Đồng	1.156.319.083
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	4.717.293.467
6	Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	Đồng	2.173.523.943

Báo cáo tài chính với số liệu trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán xác nhận “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

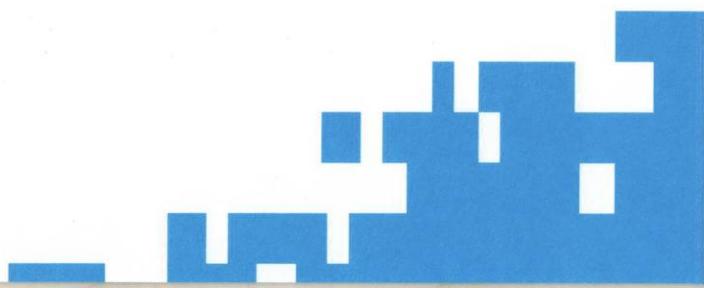
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán nêu trên theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Thị Anh Thy

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC**Trang****BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1 - 2****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****3 - 4****BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN****Bảng cân đối kế toán****5 – 6****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****7****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****8 – 9****Bản thuyết minh báo cáo tài chính****10 – 29**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch
Ông Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

61
NC
NH
ÁN
TỆ
H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số: 308/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.194.763.251	127.753.490.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.215.256.869	8.204.387.477
1. Tiền	111		4.715.256.869	8.204.387.477
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		99.000.000.000	108.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	99.000.000.000	108.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		399.036.189	3.494.319.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.347.833.578	6.447.956.666
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.246.286	34.192.206
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		236.786.648	296.274.397
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(4.225.830.323)	(3.284.103.869)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	4.464.589.892	7.373.240.760
1. Hàng tồn kho	141		4.464.589.892	8.317.018.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(943.778.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.880.301	181.542.449
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.880.301	181.542.449
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.222.802.114	1.711.914.538
I. Tài sản cố định	220		538.659.668	980.104.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	538.659.668	980.104.154
Nguyên giá	222		27.186.129.977	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.647.470.309)	(26.206.025.823)
II. Tài sản dài hạn khác	260		684.142.446	731.810.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	663.655
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	684.142.446	731.146.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		121.417.565.365	129.465.404.624

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.987.075.881	15.411.208.607
I. Nợ ngắn hạn	310		14.987.075.881	15.411.208.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	2.946.117.648	595.367.381
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.371.160.725	684.826.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	725.330.391	481.619.655
4. Phải trả người lao động	314	4.9	2.287.351.660	2.895.737.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.545.197.355	3.528.816.984
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		108.000.000	224.976.372
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.752.554.625	6.241.065.636
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	2.251.363.477	758.798.580
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.430.489.484	114.054.196.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	106.430.489.484	114.054.196.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.862.481.579	13.486.188.112
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.145.188.112	165.294.154
LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.717.293.467	13.320.893.958
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		121.417.565.365	129.465.404.624



Người lập

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQTNgô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.920.616.833	22.343.867.447
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	441.444.486	469.457.038
Các khoản dự phòng	03		(2.051.701)	498.244.243
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	235.021.416
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.225.690.613)	(4.394.891.010)
Chi phí lãi vay	06		493.797.668	86.015.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(371.883.327)	19.237.714.524
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.153.556.757	21.394.029.293
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.852.429.023	40.651.098.661
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.295.620.607	(1.013.541.055)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		66.325.803	(53.127.365)
Tiền lãi vay đã trả	14		(493.797.668)	(86.015.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(901.426.313)	(5.307.040.257)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(848.435.103)	(735.184.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.752.389.779	74.087.933.980
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(170.500.000.000)	(160.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		180.000.000.000	100.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.225.690.613	4.394.891.010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.725.690.613	(55.105.108.990)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	44.064.567.500	34.137.679.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(44.064.567.500)	(34.137.679.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		8.010.869.392	5.940.580.990
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.204.387.477	2.498.827.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(235.021.416)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	16.215.256.869	8.204.387.477
(70 = 50+60+61)				



Người lập

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
Cộng		100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 35 (31/12/2022: 37).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Dưới tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, doanh thu năm 2023 của Công ty đã giảm hơn 36% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do nhu cầu phân bón trên thị trường giảm mạnh, cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành dẫn đến phân bón rớt giá rất nhanh và mạnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 20, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 1, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Tỉnh lộ 768, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống, phân bón: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	90.953.296	192.351.025
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.624.303.573	8.012.036.452
Các khoản tương đương tiền (*)	11.500.000.000	-
Cộng	16.215.256.869	8.204.387.477

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,3% đến 3,25%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,86% đến 8,31%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.049.088.179	4.439.088.179
Các khách hàng khác	298.745.399	2.008.868.487
Cộng	4.347.833.578	6.447.956.666

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	4.225.830.323	-	4.615.830.323	1.331.726.454

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	3.284.103.869	2.984.651.234
Trích lập trong năm	941.726.454	299.452.635
Số cuối năm	4.225.830.323	3.284.103.869

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thiên Lộc	4.049.088.179	-	Trên 3 năm	4.439.088.179	1.331.726.454	Từ 2 đến 3 năm
Các khách hàng khác	176.742.144	-	Trên 3 năm	176.742.144	-	Trên 3 năm
Cộng	4.225.830.323	-		4.615.830.323	1.331.726.454	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.589.321.375	-	2.244.270.785	-
Công cụ, dụng cụ	93.710.289	-	91.339.553	-
Hàng hóa	2.119.731.769	-	5.466.295.292	(943.778.155)
Hàng gửi bán	661.826.459	-	515.113.285	-
Cộng	4.464.589.892	-	8.317.018.915	(943.778.155)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	943.778.155	744.986.547
Trích lập trong năm	-	198.791.608
Hoàn nhập trong năm	943.778.155	-
Số cuối năm	-	943.778.155

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Tại ngày 31/12/2023	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	23.527.854.193	1.690.442.943	897.405.051	90.323.636	26.206.025.823
Khấu hao trong năm	339.814.494	-	101.629.992	-	441.444.486
Tại ngày 31/12/2023	23.867.668.687	1.690.442.943	999.035.043	90.323.636	26.647.470.309
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	522.769.110	-	457.335.044	-	980.104.154
Tại ngày 31/12/2023	182.954.616	-	355.705.052	-	538.659.668

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.280.253.470 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Phân bón Nguyên Ngọc	1.276.875.000	1.276.875.000	362.280.000	362.280.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.011.210.000	1.011.210.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	329.800.000	329.800.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	328.232.648	328.232.648	233.087.381	233.087.381
Cộng	2.946.117.648	2.946.117.648	595.367.381	595.367.381

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2023	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2023
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	35.478.721	300.347.128	293.691.317	28.822.910
Thuế thu nhập doanh nghiệp	641.657.334	1.156.319.083	901.426.313	386.764.564
Thuế thu nhập cá nhân	37.396.998	492.704.762	521.339.945	66.032.181
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	10.797.338	215.152.970	204.355.632	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	725.330.391	2.173.523.943	1.929.813.207	481.619.655

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương còn phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Trích tiền thuê đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	124.485.126	108.104.755
Cộng	3.545.197.355	3.528.816.984

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.750.738.000	6.217.949.000
Các khoản phải trả khác	1.816.625	23.116.636
Cộng	1.752.554.625	6.241.065.636

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2023	758.798.580
Trích trong năm	2.341.000.000
Chi trong năm	(848.435.103)
Tại ngày 31/12/2023	2.251.363.477

4.13. Vốn chủ sở hữu**4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	568.007.905	14.800.317.154	115.368.325.059
Lãi trong năm trước	-	-	17.820.893.958	17.820.893.958
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.235.023.000)	(1.235.023.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.900.000.000)	(17.900.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	100.000.000.000	568.007.905	13.486.188.112	114.054.196.017
Lãi trong năm nay	-	-	4.717.293.467	4.717.293.467
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.341.000.000)	(2.341.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	100.000.000.000	568.007.905	5.862.481.579	106.430.489.484

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.717.293.467	17.820.893.958
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.112.000.000)	(2.341.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.605.293.467	15.479.893.958
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	1.548

4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.717.293.467	17.820.893.958
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.112.000.000)	(2.341.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.605.293.467	15.479.893.958
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	361	1.548

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024.

4.13.5. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	6.217.949.000	1.360.193.000
Cổ tức phải trả	10.000.000.000	17.900.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(14.467.211.000)	(13.042.244.000)
Số dư cuối năm	1.750.738.000	6.217.949.000

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	647,42	318.758,16

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	233.294.843.944	367.044.972.553
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.034.558.294	2.825.354.985
Cộng	236.329.402.238	369.870.327.538

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm hơn 36% so với năm 2022, nguyên nhân được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	226.230.400.662	332.229.061.351
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	198.791.608
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(943.778.155)	-
Cộng	225.286.622.507	332.427.852.959

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	7.232.436.865	4.394.891.010
Lãi bán hàng trả chậm	12.585.194	254.693.467
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	275.145.387	-
Cộng	7.520.167.446	4.649.584.477

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	3.341.139.500	4.190.870.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	339.814.494	367.827.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	1.837.107.242	7.378.350.329
Chi phí khác	323.365.483	423.762.110
Cộng	5.841.426.719	12.360.810.115

(*) Trong đó, chi phí dịch vụ cân xe từ bên liên quan
- Xem thêm Mục 8

1.021.946

1.795.943

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.052.186	158.299.164
Chi phí nhân viên	3.271.801.350	4.290.357.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.629.992	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	301.739.370	283.059.716
Chi phí dự phòng	941.726.454	299.452.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.224.504.495	1.280.663.805
Chi phí khác	321.774.167	547.746.993
Cộng	6.290.228.014	6.961.209.805

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá mua hàng hóa	217.039.086.268	307.195.140.055
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.431.113.703	25.520.986.281
Chi phí nhân viên	6.941.118.447	8.481.228.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	441.444.486	469.457.038
Chi phí dự phòng	941.726.454	498.244.243
Hoàn nhập dự phòng	(943.778.155)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.084.473.085	9.086.211.112
Chi phí khác	483.092.952	498.606.020
Cộng	237.418.277.240	351.749.872.879

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.920.616.833	22.343.867.447
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
<i>Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	96.000.000	91.000.000
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	-	180.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	235.021.416
<i>Trích tiền thuê đất tăng thêm từ 2006 đến 2017 (chưa chi trả)</i>	-	3.420.712.229
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước</i>	(235.021.416)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.781.595.417	26.270.601.092
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.156.319.083	5.254.120.218

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thuê đất trích trước	684.142.446	684.142.446	-	(684.142.446)
Lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	47.004.283	47.004.283	(47.004.283)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	684.142.446	731.146.729	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	47.004.283	(731.146.729)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	44.064.567.500	34.137.679.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(44.064.567.500)	(34.137.679.500)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		TP. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu	194.697.587.238	338.560.888.038	41.631.815.000	31.309.439.500	236.329.402.238	369.870.327.538
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp					11.042.779.731	37.442.474.579
Thu nhập tài chính	11.000.828.231	37.418.326.079	41.951.500	24.148.500	7.520.167.446	4.649.584.477
Chi phí tài chính					(512.711.983)	(328.670.306)
Chi phí bán hàng					(5.841.426.719)	(12.360.810.115)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(6.290.228.014)	(6.961.209.805)
Lợi nhuận khác					2.036.372	(97.501.383)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(1.156.319.083)	(5.254.120.218)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(47.004.283)	731.146.729
Lợi nhuận sau thuế					4.717.293.467	17.820.893.958

Tất cả tài sản và nợ phải trả của Công ty đều ở tỉnh Đồng Nai.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |
| 4. Ban Kiểm soát | Kiểm soát viên |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Mua hàng:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	16.517.406.900	1.997.147.600
---	----------------	---------------

Chi phí dịch vụ vận xe – Xem thêm Mục 5.4:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai	1.021.946	1.795.943
---	-----------	-----------

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	529.178.122	597.777.846
Ông Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	440.815.190	410.338.741
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	241.771.763	269.335.720
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	27.500.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	27.500.000
Cộng		1.307.765.075	1.368.452.307

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.548	1.523
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.548	1.523

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do xác định lại quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 theo thực trích.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**Phê duyệt****Người lập**

Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2024



Số: /TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2023
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh- tài chính năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT ngày 21/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- Căn cứ Chương trình, tài liệu họp và các nội dung đã báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH/ KH tăng, giảm (%)
1. Tổng sản lượng	Tấn	22.600	21.539	- 5,49%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	190.700	236.329	+ 23,92%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.000	5.920	+ 18,40%
4. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.000	4.717	+ 17,92%
5. Tỷ suất lợi nhuận/ vốn CSH	%	3,97	4,69	+ 18,13%
6. Phải nộp ngân sách	Triệu đồng	1.300	2.173	+ 67,15%

2. Thông qua Kế hoạch SXKD- tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu như sau:

a) Kế hoạch SXKD-tài chính năm 2024:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
- Tổng sản lượng tiêu thụ:	Tấn	20.000
trong đó:		
+ Phân bón kinh doanh:	Tấn	16.995
+ Nông sản, lúa giống:	Tấn	3.005
- Tổng doanh thu:	Triệu đồng	180,350
- Lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	4.700
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	3.760
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	3,74
- Các khoản phát sinh nộp ngân sách:	Triệu đồng	1.469

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm tài chính 2024

Lợi nhuận sau thuế TNDN 3.760 triệu đồng được phân phối như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: không trích.

+ Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động, quỹ thưởng người quản lý: thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTB&XH và phù hợp với đặc điểm thực tế của công ty.

+ Chia cổ tức: HĐQT dự kiến tỷ lệ cổ tức 2,7% mệnh giá cổ phiếu.

Căn cứ vào Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch SXKD- tài chính năm 2024 đã trình bày trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024



/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH
Về phân phối lợi nhuận năm 2023

Căn cứ kết quả lợi nhuận (theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán); Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

*** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước:**

Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước: 1.145.188.112 đồng

Thuế thu nhập hoãn lại: 684.142.446 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước còn lại: 461.045.666 đồng
(1.145.188.112 đồng - 684.142.446 đồng = 461.045.666 đồng)

*** Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 4.717.293.467 đồng**

2. Phân phối lợi nhuận:

a) Lợi nhuận năm 2023 phân phối các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ và tình hình thực tế của doanh nghiệp): tổng số 1.112.000.000 đồng, gồm:

+ NLD: 900.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân)

+ NQL: 212.000.000 đồng (không quá 1,5 tháng lương bình quân)

- Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

4.717.293.467 đồng – 1.112.000.000 đồng = 3.605.293.467 đồng

b) Lợi nhuận để chia cổ tức:

3.605.293.467 đồng + 461.045.666 đồng = 4.066.339.133 đồng

Dự kiến chia cổ tức **4%** tương ứng giá trị 4.000.000.000 đồng

c) Lợi nhuận còn lại: 4.066.339.133 đ - 4.000.000.000 đ = 66.339.133 đồng

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như trên để thực hiện theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phan Thị Anh Thy



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Số: /TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

*Về: Thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, phụ trách quản trị
và tiền lương của Người quản lý chuyên trách, của Trưởng ban Kiểm soát*

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

A. THÙ LAO:

I. Thù lao thực hiện năm 2023:

Ngày 19/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết về mức thù lao năm 2023 của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phụ trách quản trị. Tổng mức thù lao năm 2023 đã thực hiện là 156 triệu đồng, trong đó:

- Thù lao HĐQT: 84 triệu đồng.
- Thù lao Ban Kiểm soát: 60 triệu đồng.
- Thù lao Phụ trách quản trị: 12 triệu đồng.

II. Kế hoạch thù lao năm 2024:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhân sự của Công ty, xin báo cáo mức thù lao dự kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và Phụ trách quản trị để Đại hội xem xét và biểu quyết như sau:

1. Mức thù lao thành viên HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách (do Đại hội đồng cổ đông thông qua).

- Phó chủ tịch HĐQT: 4 triệu đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 3 triệu đồng/tháng

2. Mức thù lao Kiểm soát viên:

- Thù lao Kiểm soát viên: 2,5 triệu đồng/tháng/người
- Trưởng BKS (chuyên trách): không có thù lao; hưởng lương chuyên trách.
- * Tổng mức thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2024 là 144 triệu đồng.

* Thù lao chức danh Phụ trách quản trị: 01 triệu đồng/tháng, áp dụng từ tháng 01/2024.

B. TIỀN LƯƠNG:

1. Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách năm 2024 (Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát): thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; cụ thể:

* Tiền lương kế hoạch năm 2024 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách tạm tính ứng hàng tháng đề nghị Đại hội thông qua là 25 triệu đồng/tháng.

Thu nhập của Chủ tịch HĐQT chuyên trách tính theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty; việc trả lương thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty.

2. Tiền lương Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách:

* Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2023 là 20,14 triệu đồng/tháng.

* Tiền lương kế hoạch năm 2024 của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách tạm tính ứng hàng tháng đề nghị Đại hội thông qua là 11 triệu đồng/tháng.

Thu nhập của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách tính theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty; việc trả lương thực hiện theo Quy chế trả lương của Cty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Thị Anh Thy



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
BAN KIỂM SOÁT

/ TT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cập nhật đến ngày 01/01/2024);

Để việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2024 được kịp thời, thuận lợi và đảm bảo các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét phê duyệt danh sách 03 đơn vị kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

STT	Tên Công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Tầng 03 Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, P. 01, Q. 4, TP. HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
3	Công Ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt (VIETLAND CO., LTD)	02 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

2. Xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai theo đúng quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đoàn Tuấn Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
BAN KIỂM SOÁT

Số /TT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023 (Báo cáo của Ban Kiểm soát được đính kèm trong tài liệu Đại hội).

Trân trọng kính trình./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đoàn Tuấn Anh



Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2024

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600333736
do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp,
đăng ký lần đầu ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/9/2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Khách sạn Đồng Nai địa chỉ số 57 Phạm Văn Thuận phường Tân Tiến thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào lúc 8 giờ 30 ngày 17 tháng 5 năm 2024. Cócổ đông với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền dự họp đại diện chocổ phần, bằng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (.....% vốn điều lệ).

Đại hội đã thảo luận và ra Nghị quyết các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội nhất trí thông qua các vấn đề sau:

Vấn đề 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 4. Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2023, với tỉ lệ:% số phiếu tán thành, cụ thể:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước còn lại: 461.045.666 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: 4.717.293.467 đồng

2. Phân phối lợi nhuận:

a) Lợi nhuận năm 2023 phân phối các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động (NLĐ), quỹ thưởng người quản lý (NQL): tổng số 1.112.000.000 đồng (trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ 900.000.000 đồng, Quỹ thưởng NQL 212.000.000 đồng)

- Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

$4.717.293.467 \text{ đồng} - 1.112.000.000 \text{ đồng} = 3.605.293.467 \text{ đồng}$

b) Lợi nhuận để chia cổ tức và tỉ lệ cổ tức:

$3.605.293.467 \text{ đồng} + 461.045.666 \text{ đồng} = 4.066.339.133 \text{ đồng}$

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền, tỉ lệ cổ tức: **4%/** mệnh giá cổ phiếu, tương đương **4.000.000.000 đồng**.

c) Lợi nhuận còn lại: $4.066.339.133 \text{ đ} - 4.000.000.000 \text{ đ} = 66.339.133 \text{ đồng}$

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định hiện hành.

Vấn đề 5. Thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Người quản lý công ty năm 2024.

Báo cáo tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, phụ trách quản trị công ty thực hiện năm 2023 là 156 triệu đồng.

Đại hội thông qua kế hoạch mức thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Phụ trách quản trị và tiền lương của Người quản lý chuyên trách, của Trưởng ban Kiểm soát với tỉ lệ:% số phiếu tán thành; cụ thể như sau:

* Thông qua mức thù lao năm 2024:

Chủ tịch HĐQT chuyên trách (đồng/ người/ tháng): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách do Đại hội thông qua.

Phó Chủ tịch HĐQT (đồng/ người/ tháng): 4.000.000 đồng

Thành viên HĐQT (đồng/ người/ tháng): 3.000.000 đồng

Kiểm soát viên (đồng/ người/ tháng): 2.500.000 đồng

Trưởng ban kiểm soát không có thù lao, hưởng lương chuyên trách.

Phụ trách quản trị: 01 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/01/2024.

* Thông qua Tiền lương của Người quản lý chuyên trách (Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm soát) năm 2024: xây dựng, thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Nghị định 53/2016/NĐ-CP, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế của Công ty.

- Tiền lương kế hoạch năm 2024 tạm tính ứng hàng tháng của Chủ tịch HĐQT chuyên trách là 25.000.000 đồng/tháng. Thu nhập của Chủ tịch HĐQT tính theo kết quả SXKD của công ty. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế trả lương Công ty.

- Tiền lương bình quân của Trưởng ban Kiểm soát: Tiền lương bình quân thực hiện của Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2023 là 20.140.000 đồng/tháng.

Tiền lương kế hoạch năm 2024 tạm tính ứng hàng tháng của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách là 11.000.000 đồng/tháng. Thu nhập của Trưởng Ban Kiểm

soát chuyên trách tính theo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, việc trả lương thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty.

Vấn đề 6. Thông qua nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo các chỉ tiêu và nội dung chủ yếu như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2024:

- Tổng Doanh thu: 180,350 tỷ đồng
(Tương ứng sản lượng tiêu thụ: 20.000 tấn các loại (phân bón, nông sản,...))
- Các khoản phát sinh nộp Ngân sách: 1,469 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4,700 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3,760 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH: 3,74%

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024:

- * Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3,760 tỷ đồng
- * Phân phối lợi nhuận:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích lập.

- Quỹ khen thưởng -phúc lợi người lao động, quỹ thưởng người quản lý: trích lập theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan và phù hợp với tình hình, đặc điểm thực tế Công ty.

- Cổ tức năm 2024: dự kiến chia cổ tức tỉ lệ 2,7% mệnh giá cổ phiếu

Đại hội thông qua nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2024 như trên với tỷ lệ:% số phiếu tán thành.

Vấn đề 7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập (chọn một trong ba đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam và Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt), với tỷ lệ:% số phiếu tán thành.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua toàn văn trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành

Nghị quyết này; Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu VT, HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phan Thị Anh Thy